

CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 262/QĐ-HĐQT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP K.I.P VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2015;

Căn cứ Nghị định 155/2000/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại CP, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam về quy chế công bố thông tin tại Sở GDCKVN và công ty con;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/6/2021;

Nhằm quy định thống nhất về hoạt động công bố thông tin của K.I.P đến các cơ quan quản lý và trên Website của K.I.P theo luật định,

QUYẾT ĐỊNH:

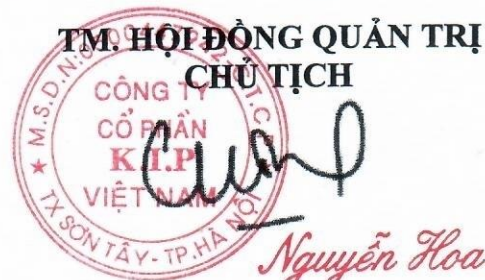
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2021
của Hội đồng quản trị Công ty CP K.I.P Việt Nam)

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế công bố thông tin (CBTT) này áp dụng đối với những tài liệu phải CBTT theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

** Đối với các báo cáo liên quan đến hoạt động chuyên môn của từng đơn vị, bộ phận mà không thuộc diện phải CBTT, chỉ phải gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật: Đơn vị, bộ phận có trách nhiệm chủ động lập báo cáo, trình người có thẩm quyền phê duyệt và gửi cơ quan Nhà nước theo quy định.*

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

1. Giải thích thuật ngữ

a) Cổ đông lớn: Là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng.

b) Người nội bộ là:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ủy ban kiểm toán;
- Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán;
- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

c) Người có liên quan: theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

d) Tài liệu CBTT: là các tài liệu chứa đựng nội dung cần CBTT theo quy định pháp luật (VD: các quyết định/ng nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT/TGD; các báo cáo tài chính đã được kiểm toán,...).

đ) Công văn CBTT: là văn bản được Tổng giám đốc/Người ủy quyền CBTT ký ban hành, nhằm thông báo với cơ quan chức năng (UBCKNN, SGĐCK, ...) về việc K.I.P đã thực hiện CBTT trên website và/hoặc trên các ấn phẩm khác (báo viết, báo điện tử).

Mẫu Công văn CBTT gửi UBCKNN, SGĐCKHN thực hiện theo Mẫu của SGĐCKHN.

e) CIMS: là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGĐCKHN từ tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên.

f) IDS (Information Disclosure System): là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố từ công ty đại chúng của UBCKNN, bao gồm trang “Hệ thống CBTT IDS” trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và “Phần mềm hỗ trợ CBTT” trên IDS.

2. Các từ viết tắt:

a) Công ty/K.I.P: Công ty CP K.I.P Việt Nam

b) CBTT: Công bố thông tin

c) UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

d) SGĐCK: Sở Giao dịch Chứng khoán

đ) HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

e) TTLKCK/VSDC: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

f) HĐQT: Hội đồng quản trị

g) TGD: Tổng giám đốc

h) TTĐC: Thông tin đại chúng

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công

bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ CBTT: Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 4. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 5. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan đến việc CBTT

1. Đơn vị đầu mối (đơn vị xây dựng tài liệu CBTT)

a) Chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng tài liệu CBTT.

b) Yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin phải cung cấp nội dung thông tin đầy đủ, đúng hạn và chính xác.

c) Phối hợp với bộ phận thực hiện việc CBTT để giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý.

d) Chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung các thông tin trong tài liệu CBTT mà mình trực tiếp soạn thảo, cung cấp.

đ) Chịu trách nhiệm lưu tài liệu CBTT dưới dạng dữ liệu điện tử và bản chính các tài liệu CBTT do đơn vị mình lập.

e) Chuyển bản gốc các tài liệu CBTT (bản đã có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền) cho người được ủy quyền CBTT lưu.

f) Trong trường hợp các nội dung CBTT không còn thuộc nghiệp vụ/chức năng/nhiệm vụ của đơn vị đầu mối phụ trách mà được chuyển cho đơn vị/bộ phận khác quản lý thì trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện tài liệu CBTT liên quan mặc nhiên được chuyển cho đơn vị tiếp quản mới.

2. Đơn vị cung cấp thông tin

a) Cung cấp thông tin theo đúng nội dung và thời hạn theo yêu cầu của đơn vị đầu mối hoặc chủ động cung cấp thông tin cho đơn vị đầu mối nếu có phát sinh thông tin liên quan đến vấn đề cần CBTT.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thông tin đã cung cấp.

3. Bộ phận thực hiện việc CBTT

Bộ phận thực hiện việc CBTT là phòng TCHC của K.I.P. Tùy từng thời kỳ, K.I.P có thể chỉ định bộ phận khác thực hiện việc công bố thông tin và việc chỉ định này được thể hiện trong Quyết định của Tổng giám đốc. Bộ phận thực hiện việc công bố thông tin có trách nhiệm:

a) Đầu mối liên hệ, làm việc, giải đáp thắc mắc với cơ quan quản lý về việc CBTT.

b) Sử dụng, quản lý mail CBTT của K.I.P bao gồm thông tin đi và thông tin đến. Sử dụng, quản lý token công thông tin UBCKNN, HNX đảm bảo token phải được bảo mật, an toàn và sử dụng đúng mục đích.

c) Chịu trách nhiệm thực hiện lập Công văn CBTT, các mẫu công văn khác v/v thay đổi nhân sự, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Quy chế của Sở, gửi các Tài liệu CBTT và Công văn CBTT tới các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện các công việc khác được quy định tại Hướng dẫn CBTT này và theo quy định của pháp luật về việc CBTT từng thời kỳ.

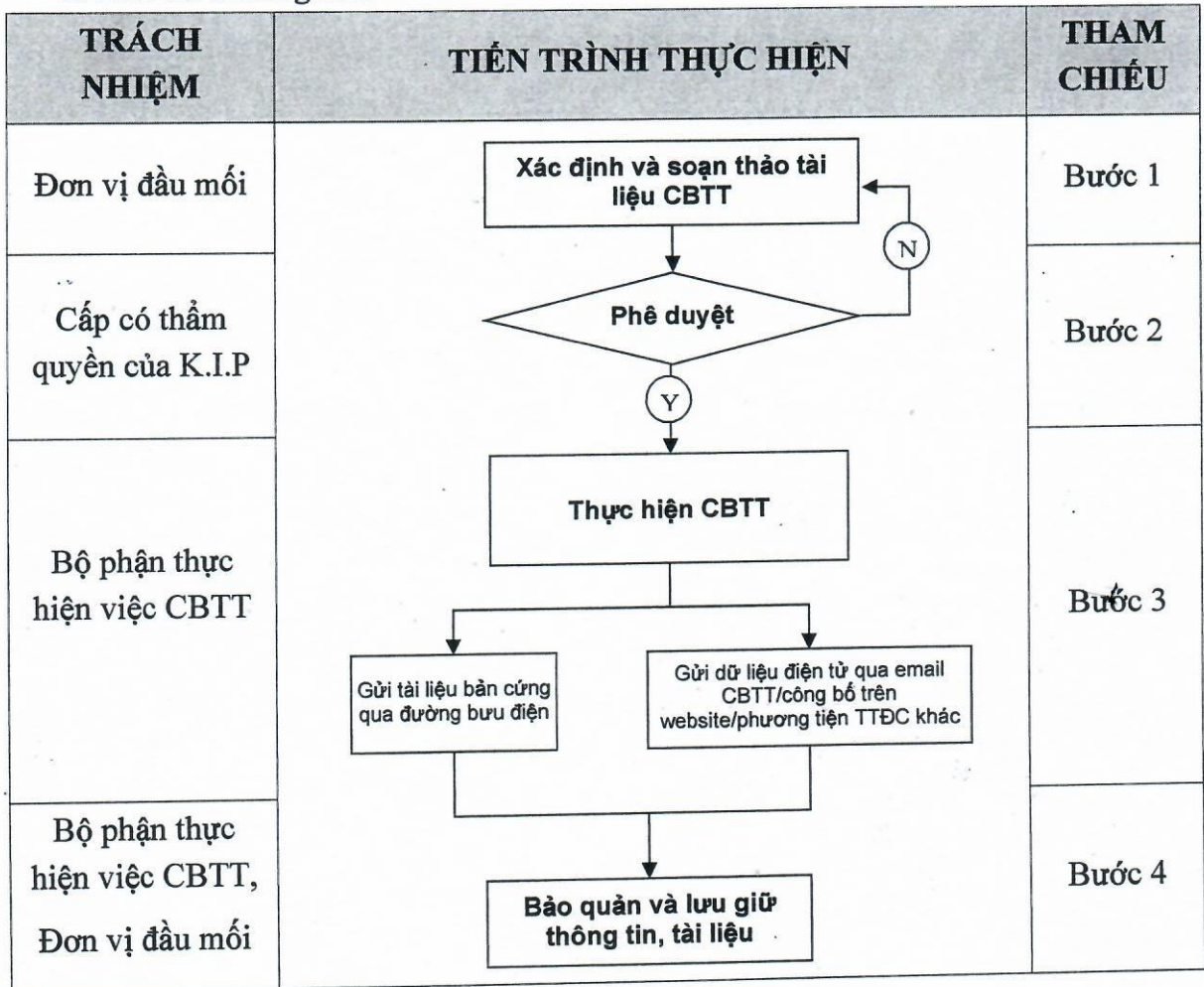
d) Giám sát, đơn đốc các đơn vị đầu mối hoàn thiện văn bản, tài liệu CBTT đúng thời hạn nhằm đảm bảo việc CBTT và gửi văn bản CBTT đúng thời hạn quy định.

đ) Sử dụng user, mật khẩu, chữ ký số, USB-token được cơ quan quản lý cấp cho K.I.P, cho người đại diện theo pháp luật của K.I.P, cho người được ủy quyền CBTT của K.I.P để thực hiện xác nhận trên các báo cáo, tài liệu gửi cơ quan quản lý, tài liệu CBTT ...

4. Các đơn vị khác: Nắm vững các quy định về hướng dẫn CBTT và hỗ trợ các đơn vị liên quan hoàn thành nội dung CBTT.

Điều 6. Hướng dẫn công bố thông tin

1. Lưu đồ Hướng dẫn



2. Diễn giải Hướng dẫn

Bước CV	Nội dung công việc
Bước 1	<p>Xác định thông tin cần công bố và soạn thảo tài liệu CBTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngay khi phát sinh hoặc phát hiện các thông tin cần công bố, đơn vị đầu mối có trách nhiệm soạn thảo tài liệu CBTT theo mẫu biểu quy định hoặc theo nội dung được yêu cầu. - Đối với những tài liệu CBTT mới phát sinh không có trong Điều 7 Quy chế này sẽ được quy định như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu CBTT theo quy định pháp luật: Phòng TCHC có trách nhiệm cập nhật và thông báo tới các đơn vị liên quan; + Tài liệu CBTT phát sinh theo yêu cầu đặc thù: Đơn vị nhận được yêu cầu sẽ thông báo tới các đơn vị liên quan.
Bước 2	<p>Phê duyệt CBTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi hoàn thiện tài liệu CBTT, đơn vị đầu mối sẽ trình cấp có thẩm quyền (ĐHĐCĐ/HĐQT/TGD/Người được ủy quyền) ký phê duyệt tài liệu CBTT. - Trường hợp không được phê duyệt, tài liệu CBTT được trả lại cho đơn vị đầu mối để chỉnh sửa lại cho phù hợp.
Bước 3	<p>Thực hiện CBTT</p> <p>Sau khi tài liệu CBTT được phê duyệt, đơn vị đầu mối có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bản gốc tài liệu CBTT cho người được ủy quyền CBTT lưu (ngoại trừ các tài liệu do HĐCĐ/HĐQT phê duyệt thì được lưu tập trung tại Văn thư) và thực hiện nhân bản chính tài liệu CBTT để: <ul style="list-style-type: none"> + Lưu tại đơn vị mình 01 bản chính; + Chuyển cho bộ phận thực hiện CBTT số lượng bản chính tài liệu CBTT theo số lượng Cơ quan quản lý cần gửi để thực hiện việc CBTT; <p>Đơn vị đầu mối phải gửi tài liệu CBTT (tài liệu dưới dạng văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử) đến bộ phận thực hiện việc CBTT một cách kịp thời để bộ phận thực hiện việc CBTT thực hiện CBTT đúng thời hạn theo quy định pháp luật.</p> <p>3.1. Thực hiện đăng tải tài liệu CBTT trên website và/hoặc các ấn phẩm khác (áp dụng cho các tài liệu phải công bố trên website hoặc các ấn phẩm báo chí).</p> <p>Đối với các loại tài liệu, nội dung, thông tin phải CBTT trên website của</p>

	<p>K.I.P hoặc ấn phẩm/phương tiện TTĐC khác, bộ phận thực hiện việc CBTT thực hiện đăng tải tài liệu, nội dung, thông tin cần CBTT trên website của K.I.P hoặc ấn phẩm/phương tiện TTĐC khác.</p>
	<p>3.2. Thực hiện gửi tài liệu CBTT</p> <p>a) Gửi tài liệu CBTT (bản cứng) và Công văn CBTT (đối với tài liệu CBTT trên website và các ấn phẩm khác) qua đường công văn</p> <p>Bộ phận thực hiện việc CBTT gửi tài liệu CBTT và Công văn CBTT (đã có đầy đủ chữ ký của cấp có thẩm quyền của K.I.P và đóng dấu) đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức có liên quan (nếu có) theo quy định.</p> <p>b) Gửi dữ liệu điện tử qua hệ thống CBTT trực tuyến</p> <p>CBTT trực tuyến: Bộ phận thực hiện CBTT thực hiện công bố thông tin qua các cổng CBTT trực tuyến của UBCKNN và SGDCKHN theo quy định tại Khoản 1 Điều 4.</p> <p>Trường hợp phải nhập dữ liệu trực tiếp vào hệ thống của cơ quan quản lý: đơn vị đầu mối có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin để bộ phận thực hiện việc CBTT trực tiếp thực hiện tại hệ thống của cơ quan quản lý.</p> <p>Gửi qua email CBTT: Trong trường hợp phải CBTT qua email, bộ phận thực hiện việc CBTT gửi các tài liệu CBTT và Công văn CBTT đã được phê duyệt bằng dữ liệu điện tử qua email cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức có liên quan (nếu có).</p>
Bước 4	<p>Văn thư Công ty, đơn vị đầu mối, bộ phận thực hiện việc CBTT có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ thông tin, tài liệu.</p> <p>Đơn vị/cá nhân liên quan có trách nhiệm phải thông báo/gửi tài liệu tới đơn vị thực hiện việc lưu giữ tài liệu theo quy định hiện hành của Công ty.</p>

Điều 7. Nội dung công bố thông tin

ST T	Nội dung CBTT	Căn cứ + mẫu biểu	Nơi tiếp nhận nội dung CBTT	Thời hạn	Đơn vị đầu mối	Phương thức CBTT		
						Website K.I.P	IDS (UBCK)	CIMS (HNX)
I.	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ							
1.	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận <i>Toàn văn BCTC năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, văn bản giải trình của công ty trong TH tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính.</i>	K1-Đ10- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P. TCKT	x		x
2.	Báo cáo thường niên <i>Thông tin trong BC thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán</i>	K2- Đ10- TT96 Phụ lục IV	SGDCK Website K.I.P	Trong vòng 20 ngày sau khi công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P. TCKT P. TCHC	x		x
3.	CBTT về họp ĐHĐCĐ thường niên							
3.1	Công bố về việc họp ĐHĐCĐ thường	K3- Đ10-	SGDCK	Tối thiểu 21 ngày	P. TCHC	x		x

	niên, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: - Thông báo mời họp - Chương trình họp - Phiếu Biểu quyết - Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).	TT96	Website K.I.P	trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ				
3.2	Biên bản, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	K3- Đ10- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu Phụ lục V							
4.1	Báo cáo tình hình quản trị bán niên	K3- Đ10- TT96 Phụ lục V	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	P. TCHC	x		x
4.2	Báo cáo tình hình quản trị năm	K3- Đ10- TT96 Phụ lục V	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P. TCHC	x		x
5	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo số cổ đông gần nhất tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng	QC CBTT của SGDCK	SGDCK		P. TCHC	x		x

	cuối năm đến SGDCK							
II.	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG							
	<i>Chú ý: Khi CBTT bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có)</i>							
1.	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong toả theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả trong các trường hợp quy định tại điểm này.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
2.	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi GCN đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
3.	Công bố về việc hợp ĐHĐCĐ bất thường, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp ĐHĐCĐ, bao gồm: - Thông báo mời hợp	K3- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ	P. TCHC	x		x

	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp - Phiếu Biểu quyết <p>Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>							
4.	<p>CBTT vv lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, bao gồm: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.</p>	K3- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	P. TCHC	x		x
5.	<p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của ĐHĐCĐ - Biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). <p>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</p>	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x

6.	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	K1-Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x	x	x
7.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	K1-Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x	x	x
8.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.	K1-Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
9.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc	K1-Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x		x

	hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.							
10.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x	x	x
11.	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x	x	x
12.	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:							
	- Nếu công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ , tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	P. TCKT	x	x	x
	- Nếu công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website	Trong thời hạn 24 giờ , tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định	P. TCKT	x	x	x

			K.I.P	pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.				
	- Nếu công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	P. TCKT	x	x	x
13.	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư số 96	K1- Đ11- TT96 Phụ lục III	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x	x	x
14.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x		x
15.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam,	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x

	truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.		K.I.P					
16.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
17.	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x		x.
18.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCKT	x		x
19.	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	K1- Đ11- TT96	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x	x	x
20.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	K1- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ	P. TCHC	x		x
21.	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.							
	- CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	K4- Đ11- TT96	SGDCK Website K.I.P	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng	P. TCHC	x		x

				dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ				
	- CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ	K4-Đ11-TT96	SGDCK Website K.I.P	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	P. TCHC	x		x
22.	CBTT trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố	K5-Đ11-TT96	SGDCK Website K.I.P	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BCTC và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P. TCKT	x		x
23.	CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	K6-Đ11-TT96, TT 96	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P. TCKT	x		x
24.	Lập, gửi danh sách cổ đông theo yêu cầu của Sở GDCKVN	QC CBTT của SGDCK VN	SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày	P. TCHC	x		x

				bắt đầu của năm tài chính mới.				
III	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU Khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Đ12-TT96, QC CBTT của SGDCK	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch	Đơn vị đầu mối được TGD chỉ định	x	x	x
IV	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY							
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Đ13-K1-TT96, NĐ155, QC CBTT của SGDCK VN	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	P. TCKT	x	X	x
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đ13-K2 - TT96,	UBCKNN SGDCK	Theo quy định pháp luật chứng	P. TCKT	x	x	x

		NĐ155, QC CBTT của SGDCK VN	Website K.I.P	khoản hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoản Việt Nam.				
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Đ13-K3 TT96, NĐ155, QC CBTT của SGDCK VN	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	P. TCKT	x	x	x
4	Giao dịch chào mua công khai	Đ35 TT96, NĐ155, TT118, QC CBTT của SGDCK VN, Luật CK	UBCKNN SGDCK Website K.I.P	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	P. TCKT	x	x	x
5	Công bố, báo cáo giao dịch theo chế độ cổ đông lớn hoặc cổ đông sáng lập hoặc người có liên quan đến người nội bộ	Đ31, 32, 33, 34 TT96	UBCKNN SGDCK Website	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành	P. TCHC	x	x	x

			K.I.P	chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán				
6	Thay đổi địa chỉ Website công ty	Đ7-K2 TT96		Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi				
V.	CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁC							
	Các báo cáo giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ	Đ31, 32, 33, 34 TT96		Theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán và CBTT.				



Nguyễn Hoa Cường

